

Bản án số: 62/2021/DS - ST.  
Ngày: 24 - 9 - 2021.  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Kim Phước

Ông Nguyễn Hồng Được

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2021/TLST – DS, ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T; Địa chỉ: Số 266 và 268 đường Nam Kỳ Khởi N, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Huỳnh Phi L– Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T chi nhánh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 96/2021/GUQ – CNST ngày 31/3/2021 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T chi nhánh Sóc Trăng); Địa chỉ: Số 30, đường Trần H, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Hồng N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Ngãi H, thị trấn D, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2021 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/7/2019, bà Trần Hồng N có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T hợp đồng số 01273-00055. Theo đó Ngân hàng Sài Gòn T Chi nhánh Sóc Trăng có cho bà N vay với số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 09/7/2019 với các điều kiện thỏa thuận

nếu sau: Thời hạn vay: 275 kỳ, lãi suất: 30 %/năm; Mục đích vay: Bỏ sung vốn kinh doanh; Phương thức trả nợ: Vốn và lãi phải trả: 61.302.500 đồng, số kỳ trả nợ 275 kỳ, kỳ hạn trả nợ 01 ngày/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 09/07/2019, các kỳ trả nợ kế tiếp hàng ngày, kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày trả nợ cuối cùng được quy định tại hợp đồng, số tiền trả mỗi kỳ là 223.000 đồng, số tiền trả cuối kỳ là 200.500 đồng.

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng ngày 09/7/2019, quá trình giao dịch tính đến 09/02/2020 thì bà N đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cố gắng thương lượng nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Bà N đã thanh toán được cho Ngân hàng 214 kỳ với số tiền 47.722.000 đồng, trong đó gốc 38.926.600 đồng và lãi 8.795.400 đồng, số tiền bà N còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 24/9/2021 là 21.374.249 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 11.073.400 đồng, lãi trong hạn: 2.507.100 đồng (tạm tính từ ngày 08/02/2020 đến ngày 09/4/2020), lãi quá hạn: 7.793.749 đồng (tạm tính từ ngày 09/04/2020 đến ngày 24/9/2021).

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Hồng N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2021 là 21.374.249 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 11.073.400 đồng, lãi trong hạn: 2.507.100 đồng (tạm tính từ ngày 08/02/2020 đến ngày 09/4/2020), lãi quá hạn: 7.793.749 đồng (tạm tính từ ngày 09/04/2020 đến ngày 24/9/2021) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/9/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu bà Trần Hồng N có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 21.374.249 đồng và cộng phần lãi vay phát sinh thêm với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký trong thời gian chờ xét xử của Tòa án và chờ thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Hồng N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng vẫn

vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Hồng N

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 11.073.400 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 01273-00055 ngày 09/7/2019 và giấy nhận nợ số 01 ngày 19/7/2019 với số tiền vay là 50.000.000 đồng đều có chữ ký của bị đơn và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng; hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì nên Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền là 50.000.000 đồng là có căn cứ. Sau khi vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn 38.926.600 đồng tiền gốc còn nợ của nguyên đơn số tiền là 11.073.400 đồng. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 11.073.400 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu trả lãi cụ thể lãi trong hạn: 2.507.100 đồng (tạm tính từ ngày 08/02/2020 đến ngày 09/4/2020), lãi quá hạn: 7.793.749 đồng (tạm tính từ ngày 09/04/2020 đến ngày 24/9/2021) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/9/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Hợp đồng tín dụng số 01273-00055 ngày 09/7/2019 và giấy nhận nợ số 01 ngày 19/7/2019 có ghi “Lãi suất tính số vốn và lãi định kỳ mà Bên được cấp tín dụng phải trả cho Sacombank là 30%/năm tương đương với lãi suất thực tế của khoản vay được ấn định theo quy định tại Hợp đồng này. Lãi suất này đã được các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi suất chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên tại thời điểm giải ngân, phù hợp với quy định của pháp luật và được ghi cụ thể trên từng giấy nợ (theo mẫu của sacombank). Tùy thuộc vào tình hình lãi suất trên thị trường Sacombank có quyền đề nghị thương lượng lại lãi suất với Bên được cấp tín dụng”. Lãi suất do các bên thỏa thuận là phù hợp với Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặt khác, theo bảng tính lãi tiền vay của nguyên đơn cung cấp thì bị đơn còn phải trả tiền lãi tạm tính đến ngày 24/9/2021 là 10.300.849 đồng bao gồm tiền lãi trong hạn: 2.507.100 đồng (tạm tính từ ngày 08/02/2020 đến ngày 09/4/2020), lãi quá hạn: 7.793.749 đồng (tạm tính từ ngày 09/04/2020 đến ngày 24/9/2021). Do đó, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và

là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết theo quy định của pháp luật. bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn tiền lãi tạm tính đến ngày 24/9/2021 là 10.300.849 đồng bao gồm tiền lãi trong hạn: 2.507.100 đồng (tạm tính từ ngày 08/02/2020 đến ngày 09/4/2020), lãi quá hạn: 7.793.749 đồng (tạm tính từ ngày 09/04/2020 đến ngày 24/9/2021).

Ngoài ra, kể từ ngày 25/9/2021, bà Trần Hồng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trần Hồng N tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay theo án Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Từ phân tích nêu trên, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ tính đến ngày 24/9/2021 số tiền vay gốc là 11.073.400 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 24/9/2021 là 10.300.849 đồng, tổng cộng là 21.374.249 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Hồng N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền là 21.374.249 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng). Bao gồm 11.073.400 đồng (Mười một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày

24/9/2021 là 10.300.849 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày 25/9/2021, bà Trần Hồng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trần Hồng N tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Trần Hồng N phải chịu 1.068.712 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm mười hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 467.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007895 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

4 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Thanh Hoa**

